

Bản án số: 96/2022/DS-PT

Ngày 07-7-2022

*“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,
bồi thường thiệt hại về tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2022/TLPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2022, về việc: *“Tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại về tài sản”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST, ngày 22 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 70/2022/QĐ-PT, ngày 24/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 114/2022/QĐ-PT, ngày 17/6/2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Đào Công S, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: ấp 14, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

* *Bị đơn:* Ông Giang Hoàng V, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã M, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn Giang Hoàng V: Ông Phạm Minh T là Luật sư Văn phòng Luật sư Phạm Minh T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Địa chỉ Văn phòng Luật sư: Ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

* *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1- Ông Trần Văn A, sinh năm 1957 (vắng mặt).

- 2- Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1981 (vắng mặt).
3- Anh Trần Văn Đ2, sinh năm 1983 (vắng mặt).
4- Chị Trần Thị H, sinh năm 1985 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: ấp 19, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.
5- Ông Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1957 (vắng mặt).
6- Ông Đào Văn Đ3 (Đào Văn Đ3), sinh năm 1972 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: ấp 14, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.
7- Bà Đào Thị H2, sinh năm 1961 (vắng mặt).
Địa chỉ: ấp 19, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.
8- Bà Giang Việt H3, sinh năm 1970 (có đơn yêu cầu vắng mặt).
9- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1970 (có mặt).
Cùng địa chỉ: Ấp C, xã M, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng.
* *Người kháng cáo:* Ông Đào Công S là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo kết quả xét xử sơ thẩm, thì vụ án có nội dung như sau:

** Theo đơn khởi kiện ngày 08/10/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/5/2021 của ông Đào Công S, quá trình giải quyết và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn S trình bày:*

Cha và mẹ ông Đào Công S là cụ Đào Văn T5 (chết năm 1973) và cụ Trần Thị Đ4 (chết năm 2019) có phần đất diện tích 7.050m², thửa 428, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc ấp 14, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Cụ Đ4 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/03/1994 (bl 20), ông S được mẹ cho đất sử dụng ổn định từ năm 1994 đến nay. Thửa đất có một cạnh giáp đất ông Giang Hoàng V, giữa hai thửa đất có một hố bom hình thành từ thời kỳ chiến tranh năm 1976 nên mẹ ông S đã đào một cái ao ngang 03m x dài 15m, phần đất còn lại bỏ hoang không sử dụng nên bị cây bình bát và cỏ mọc đầy, quá trình sử dụng đất ông V lấn dần. Việc sử dụng đất bị sóng đánh nên năm 1998 ông S đã trồng hàng tre lùi vào bên trong để chắn sóng (hàng tre trên bờ đất chỗ tranh chấp), phần đất phía ngoài giáp đất ông V không có bờ, do đất bỏ hoang và có ao sâu không san lấp được nên ông S tiếp tục bỏ hoang. Ông V đã đốt cây bình bát lấn chiếm qua phần đất ông S diện tích khoảng 500m², ông S yêu cầu ông V trả lại phần đất lấn chiếm nhưng ông V không đồng ý, sự việc đã được ban nhân dân ấp 14, xã V và UBND xã V hòa giải không thành. Ông S giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Giang Hoàng V trả lại phần đất lấn chiếm, yêu cầu trả đất theo diện tích thực đo là 625m², thửa 428, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp 14, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và bồi thường thiệt hại do lấn chiếm đất từ năm 2019 đến nay là 05 vụ lúa, thành tiền là 5.000.000 (1.000.000 đồng/vụ).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ý kiến của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp pháp luật và có căn cứ, cụ thể diện tích đất thửa 428 là 7.050m^2 , đo thực tế giảm $689,2\text{m}^2$ còn thửa 425 diện tích 2.600m^2 đo thực tế tăng $912,1\text{m}^2$. Theo ông X diện tích đất bà N được cho là 08 công, ông V trình bày đổi 06 công nên còn lại 02 công là phù hợp kết quả xác minh ông B nên diện tích 2.600m^2 theo giấy chứng nhận là phù hợp. Mặt khác, ông V không giải thích được nguồn gốc diện tích đất tăng, hòa giải cơ sở ông V chấp nhận giao trả ông S 3m đất đo từ mí bờ nên chứng minh ông V có lấn chiếm đất là chứng cứ không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S buộc ông V trả đất và bồi thường thiệt hại.

** Theo tường trình ngày 10/12/2020, ngày 28/5/2021, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn Giang Hoàng V trình bày:* Nguồn gốc đất thửa số 425 tờ bản đồ số 07 tọa lạc tại ấp 14, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là của ông nội tên Giang Văn N (đã mất). Khoảng năm 1976-1977, ông nội cho mẹ ông là Nguyễn Thị N (mất năm 2001, bl 55) diện tích 8,5 công tầm cây, chú Giang Hoàng X là người đo đất giao cho mẹ. Mẹ ông quản lý, sử dụng cho đến năm 1980 thỏa thuận đổi phần đất 06 công tầm cây cho C (đã mất, mẹ của ông Dương Văn B) để tiện canh tác, còn lại để sử dụng là 2,5 công đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B247569 ngày 27/12/1992 (bl 56). Sau khi mẹ mất, ông là người trực tiếp sử dụng đất, phần đất này có một cạnh liền kề thửa 428 của bà Trần Thị Đ4 (mẹ ông S), giữa hai thửa có bờ đất làm ranh và trên bờ có hàng tre do bà Đ4 trồng, từ bờ tre trở vào xóm là đất bà Đ4, từ bờ tre trở ra ruộng là đất của mẹ ông và ba cạnh còn lại đều có bờ đất phân biệt ranh với các thửa liền kề. Trong thửa đất 425 của ông sử dụng không có hố bom như ông S trình bày, từ trước đến nay ông và vợ sử dụng đất không lấn chiếm đất ông S nên không đồng ý toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của ông S.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh quyền sử dụng đất tranh chấp, quá trình sử dụng đất, thời gian lấn chiếm, hình thức lấn chiếm. Riêng việc trình bày đất bỏ hoang không có cơ sở chứng minh, giả sử có bỏ hoang và người khác khai hoang sử dụng ổn định, phía nguyên đơn không được giao quyền sử dụng đất thì nguyên đơn yêu cầu khởi kiện cũng không có căn cứ. Về diện tích thửa 425 tăng so với diện tích được cấp trong giấy, diện tích thửa 428 giảm so với quyền sử dụng đất được cấp thì tại Công văn số 1967 ngày 14/10/2021 của UBND huyện T đã xác định rõ, diện tích đất thửa 425 của ông V thực tế sử dụng nhiều hơn so diện tích được cấp không phải căn cứ chứng minh ông V lấn chiếm đất. Theo biên bản xác minh của Tòa án, những người làm chứng khai khi gia đình ông S sử dụng đất thửa 428 từ đầu đã bao ngạn xung quanh thửa đất, ông V sử dụng đất ổn định không tranh chấp đến năm 2019 khi ông S yêu cầu đo đạc đất sử dụng phát hiện diện tích thực tế thấp so với quyền sử dụng đất được cấp cho rằng ông V lấn đất nên tiến hành khởi kiện. Nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ, đề nghị Hội

đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S về tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T2, ông Đào Văn Đ3, bà Đào Thị H2 vắng mặt; có ông Đào Công S là người đại diện hợp pháp trình bày tại phiên tòa: Các anh chị của ông thống nhất yêu cầu khởi kiện của ông, yêu cầu Tòa xem xét thẩm định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất buộc ông V giao trả đất lần chiếm.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà về làm dâu nhà chồng trên ba mươi năm, có cùng chồng canh tác đất của gia đình và không có lần chiếm đất ông S, do giữa hai thửa đất có bờ trồng hàng tre nên thống nhất ý kiến của chồng không đồng ý yêu cầu của ông S.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn A vắng mặt, quá trình giải quyết có văn bản (bl 133) trình bày: Về việc di chúc của mẹ vợ ông là bà Trần Thị Đ4 để lại cho Đào Công S, cha con ông không có phần trong đó cho nên về việc tranh chấp giữa ông S và ông V cha con ông không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Giang Việt H3 vắng mặt, tại biên bản ghi lời khai ngày 03/6/2021, (bl 162) bà H3 trình bày ý kiến: Bà là em ruột của ông Giang Hoàng V, cha mẹ chỉ có hai người con. Đối với đất thửa 425 đang tranh chấp với ông S là có nguồn gốc là của ông nội cho cha mẹ, khi mẹ mất đã chia đất này cho anh V nên bà không có ý kiến hoặc yêu cầu gì đối với thửa 425, tờ bản đồ số 7, ấp 14, xã V, huyện T, Sóc Trăng. Trước đây bà có hỗ trợ gia đình làm đất thì có thấy giữa đất của anh V và ông S có hàng tre làm ranh.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn Đ, Trần Văn Đ2, chị Trần Thị H vắng mặt tại phiên tòa, không có văn bản trình bày ý kiến.*

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST, ngày 22/02/2022 đã quyết định như sau:

Căn cứ khoản 6, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166; Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Công S đối với bị đơn ông Giang Hoàng V về tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 625m² thửa 425, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp 14, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và đòi bồi thường thiệt hại về tài sản.

Đất tranh chấp có tứ cận: Hướng đông giáp thửa 428 có số đo 30,69m; Hướng tây giáp phần còn lại thửa 425 có số đo 30,53m; Hướng nam giáp thửa 423 có số đo 21m; Hướng bắc giáp thửa 426 có số đo 7,68m + 13,32m.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tài chỗ và định giá tài sản, tiền án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07-03-2022, nguyên đơn Đào Công S kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn S, buộc bị đơn ông Giang Hoàng V phải trả phần đất tranh chấp có diện tích 625m² thửa 425, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp 14, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và bồi thường thiệt hại do lấn chiếm đất từ năm 2019 đến năm 2021 là 05 vụ lúa, thành tiền là 5.000.000đồng (1.000.000đ/vụ).

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn S không rút lại đơn khởi kiện và đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

+ *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn S, bị đơn V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan H3 và D đã tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Văn A, Trần Văn Đ, Trần Văn Đ2, Trần Thị H, Nguyễn Ngọc T2, Đào Văn Đ3 (Đào Văn Dao) và Đào Thị H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, là chưa thực hiện nghiêm theo triệu tập của Tòa án.

+ *Về nội dung kháng cáo*: Nguyên đơn S không chứng minh được kháng cáo của nguyên đơn S là có căn cứ và bị đơn V không đồng ý theo nội dung kháng cáo của nguyên đơn S. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

- Nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn S là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trần Văn A, Trần Văn Đ, Trần Văn Đ2, Trần Thị H, Nguyễn Ngọc T2, Đào Văn Đ3 (Đào Văn Đào) và Đào Thị H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tại phiên tòa, các đương sự có mặt và Kiểm sát viên yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt những người có tên nêu trên theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt những người có tên nêu trên.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa, nguyên đơn Đào Công S giữ nguyên nội dung kháng cáo, cụ thể là yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn S, buộc bị đơn ông Giang Hoàng V phải trả phần đất tranh chấp có diện tích 625m² thửa 425, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp 14, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và bồi thường thiệt hại do lấn chiếm đất từ năm 2019 đến năm 2021 là 05 vụ lúa, thành tiền là 5.000.000đ (1.000.000đ/vụ), vì các căn cứ sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện, diện tích đất tại thửa 428 là 7.050m², diện tích đất thực tế hiện nay là 6.360,8m², như vậy diện tích còn thiếu là: $7.050\text{m}^2 - 6.360,8\text{m}^2 = 689,2\text{m}^2$.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện, diện tích đất tại thửa 425 là 2.600m², diện tích đất thực tế hiện nay là 3.512,1m², như vậy diện tích dư ra là: $3.512,1\text{m}^2 - 2.600\text{m}^2 = 912,1\text{m}^2$.

Tại phiên tòa, bị đơn V và Luật sư bị đơn V không đồng ý theo kháng cáo của nguyên đơn S vì cho rằng: Gia đình bị đơn V đang sử dụng đúng trên phần đất của bị đơn V không lấn chiếm đất của nguyên đơn S. Vì vậy, không đồng ý trả đất theo yêu cầu của nguyên đơn S.

Xét kháng cáo của nguyên đơn S và ý kiến của bị đơn V cũng như ý kiến của Luật sư bị đơn V, thì thấy rằng:

+ Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn S thể hiện: Thửa đất số 428 của nguyên đơn S có 01 cạnh giáp sông gọi là Rạch C, không có lộ đê giao thông nông thôn như hiện nay. Nguyên đơn S cũng thừa nhận con sông này hiện nay có chiều ngang rộng hơn thời những năm 1990.

+ Công văn số 1967 ngày 14/10/2021 của UBND huyện T (B1 174) xác định: Diện tích thửa 425 tăng do trước đây đo đạc thủ công nên tính diện tích không chính xác. Đối với thửa 428 khi giao đất không đo đạc thực tế, lược đồ giải thửa thể hiện diện tích đến giáp Rạch Cù Lao, còn diện tích 6.360,8m² được tính từ mí lộ đê. Mặt khác, tại sơ đồ đo đạc đất tranh chấp của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện T và Công văn số 1967 ngày 14/10/2021 có ghi nhận diện tích thửa 428 giảm là do trừ diện tích lộ đê và diện tích bờ kênh.

+ Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng của nguyên đơn S thể hiện: Thửa đất số 428 của nguyên đơn S giáp thửa đất số 425 của bị đơn V (đang có tranh chấp) và thửa 426 là các đường thẳng liền kề nhau.

+ Theo “Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp” của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, ngày 06/4/2021 thể hiện:

- Diện tích đất tại thửa 428 của nguyên đơn S là 6.360,8m² không bao gồm diện tích đất lộ đāl nông thôn và phần đất giáp sông.

- Thửa đất số 428 của nguyên đơn S, giáp thửa đất số 425 của bị đơn V và thửa 424 vẫn là các đường thẳng liền kề nhau.

Như vậy, có căn cứ để xác định gia đình bị đơn V đang sử dụng đúng trên phần đất của gia đình mình tại thửa 425, không lấn chiếm đất của gia đình nguyên đơn S tại thửa 428.

Nguyên đơn S không chứng minh được bị đơn V lấn chiếm đất của nguyên đơn S. Vì vậy, yêu cầu đòi bồi thường số tiền là 5.000.000đ do không được sử dụng đất tranh chấp cũng không được Tòa án chấp nhận.

Nguyên đơn S không chứng minh được kháng cáo của nguyên đơn S là có căn cứ pháp luật, bị đơn V và Luật sư của bị đơn V không đồng ý theo nội dung khởi kiện và kháng cáo của nguyên đơn S. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn S.

Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với các phân tích như đã viện dẫn nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Nguyên đơn S được miễn do có cha ruột là liệt sỹ.

Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Đào Công S.

I - Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/2022/DS-ST ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 6, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166; Điều 203 Luật Đất đai 2013; Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Công S đối với bị đơn ông Giang Hoàng V về tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 625m² thửa 425, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp 14, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và đòi bồi thường thiệt hại về tài sản.

Đất tranh chấp có tứ cận: Hướng đông giáp thửa 428 có số đo 30,69m; Hướng tây giáp phần còn lại thửa 425 có số đo 30,53m; Hướng nam giáp thửa 423 có số đo 21m; Hướng bắc giáp thửa 426 có số đo 7,68m + 13,32m.

- Ông Đào Công S phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định định giá là 11.008.140 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo phiếu thu của Tòa án nhân dân huyện T, ông S đã nộp xong chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định định giá.

- Ông S được miễn án phí, hoàn trả tạm ứng cho ông Đào Công S số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008392 ngày 14/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

II- Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn S được miễn do có cha ruột là liệt sỹ.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Nam Trung